
PHÁT TRIỂN TẬP ĐOÀN KINH TẾ TƯ NHÂN TẠI VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Đỗ Vũ Phương Anh

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội

Email: dvphuonganh@vnu.edu.vn

Hà Diệu Linh

Trường Đại học Công đoàn

Email: linhhd@dhcd.edu.vn

Đỗ Minh Đức

Tập đoàn Vàng bạc Đá quý DOJI

Email: dominhduc@doji.vn

Tô Thế Nguyên

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội

Email: tothenguyen@vnu.edu.vn

Mã bài báo: JED-616

Ngày nhận: 4/4/2022

Ngày nhận bản sửa: 27/6/2022

Ngày duyệt đăng: 01/8/2022

Tóm tắt:

Bài viết này phân tích và đánh giá thực trạng phát triển của các tập đoàn kinh tế tư nhân Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy các tập đoàn kinh tế tư nhân đã có đóng góp đáng kể vào ngân sách quốc gia và tạo việc làm. Các tập đoàn kinh tế tư nhân không chỉ thể hiện được tiềm lực tài chính và sức mạnh dẫn dắt nền kinh tế mà còn đang được tiếp đà cho việc đi đầu trong đầu tư các lĩnh vực mũi nhọn, có hàm lượng công nghệ cao. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn đang thiếu các tập đoàn kinh tế tư nhân mang tầm vượt biên giới để có thể tham gia tích cực hơn vào chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu. Nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy sự phát triển và nâng cao chất lượng cạnh tranh và năng lực hội nhập quốc tế cho các tập đoàn kinh tế tư nhân trong thời gian tới.

Từ khóa: Tập đoàn kinh tế, kinh tế tư nhân, Việt Nam.

Mã JED: A10, D02, F63.

The development of private economic groups in Vietnam: Current situations and solutions

Abstract:

This study analyzes and assesses the development status of Vietnamese private economic groups. The results show that private economic groups have made a significant contribution to the national budget and created jobs. Private economic groups not only show their financial potential and the power to lead the economy but are also being motivated to be the leader in the investment in key fields with high technology content. However, Vietnam is still lacking in cross-border private sector corporations to participate more actively in the global supply chain and value chain. Based on the findings, the research proposes some suggestions to promote the development and improve the quality of competition and international integration capacity for private economic groups in the coming time.

Keywords: Economic groups, private economy, Vietnam.

JED code: A10, D02, F63.

1. Giới thiệu

Các tập đoàn kinh tế luôn là nhân tố chủ chốt trong sử dụng hiệu quả các nguồn nhân lực, vật lực, tài lực vào sản xuất kinh doanh với quy mô lớn, qua đó tạo ra những đóng góp đáng kể cho nền kinh tế quốc dân. Hiện nay, Việt Nam cũng có khoảng 29 doanh nghiệp tư nhân có giá trị vốn hóa trên thị trường chứng khoán vượt con số 1 tỷ USD (Đỗ Thanh Hương, 2021). Bên cạnh đó, vốn đầu tư của khối tư nhân cũng tăng nhanh, từ 36,1% lên 43,27% (tương đương 803 nghìn tỷ đồng) trong giai đoạn 2010-2018 (Hiếu Công, 2020). Trong đó, nhiều tập đoàn tư nhân đã trở thành những cánh chim đầu đàn tại một số lĩnh vực, ngành nghề như vận tải, bán lẻ, chế biến thực phẩm, sản xuất hàng gia dụng, bất động sản, du lịch khách sạn, vàng bạc đá quý, công nghệ thông tin như Vingroup, Thế giới di động, SunGroup, TH True Milk, Massan, Vietjet, FPT, DOJI, Hòa Phát... Sự mở rộng quy mô, tăng trưởng và phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người lao động, góp phần nâng cao hiệu suất kinh tế, đóng góp cho ngân sách, thúc đẩy các hoạt động R&D, đổi mới sáng tạo và ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ. Hơn thế, các tập đoàn khu vực tư nhân cũng là động lực quan trọng trong việc đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội như giảm nghèo đa chiều, cải thiện năng suất quốc gia, giảm bất bình đẳng, thúc đẩy hội nhập quốc tế đa chiều và đạt được các mục tiêu phát triển bền vững.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ đã khẳng định việc tạo điều kiện thuận lợi, lộ trình rõ ràng để hình thành và phát triển nên các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn với nội lực mạnh, vị thế lớn, có sức cạnh tranh cao với các tập đoàn khác trong khu vực và quốc tế. Tuy nhiên, thực tế cho thấy dù là các tổ hợp kinh tế lớn trong nước nhưng so với thế giới, các tập đoàn kinh tế tư nhân Việt Nam đang ở mức quy mô nhỏ, vốn đầu tư và ứng dụng khoa học công nghệ thấp, tính chính thức chưa cao. Việt Nam vẫn đang thiếu các tập đoàn kinh tế tư nhân mang tầm vượt biên giới để có thể tham gia tích cực hơn vào chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu. Các tập đoàn kinh tế tư nhân quy mô lớn sẽ đối mặt với nhiều thách thức hơn so với hệ thống doanh nghiệp vừa và nhỏ trước các rủi ro chính sách, biến động thị trường, đại dịch Covid-19 và cạnh tranh quốc tế ngày càng sâu rộng. Mặt khác, sự phát triển của các tập đoàn kinh tế tư nhân Việt Nam đang đặt ra một số vấn đề bất cập trong quản lý vĩ mô và môi trường cạnh tranh bình đẳng.

Nghiên cứu này phân tích và đánh giá thực trạng phát triển của các tập đoàn kinh tế tư nhân tại Việt Nam và đưa ra các khuyến nghị phát triển cho các tập đoàn kinh tế tư nhân tại Việt Nam trong thời gian tới.

2. Chủ trương của Đảng và Nhà nước đối với phát triển tập đoàn kinh tế tư nhân

Qua hơn ba thập kỷ đổi mới, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết có tính thừa nhận và khẳng định vai trò và vị thế của khu vực kinh tế tư nhân nói chung và tập đoàn kinh tế tư nhân nói riêng. Từ việc xác định “*Có vị trí quan trọng lâu dài*” của khu vực kinh tế tư nhân trong văn kiện Đại hội Đảng IX đến “*Có vai trò quan trọng*” trong văn kiện Đại hội Đảng X, và “*Là một trong những động lực của nền kinh tế*” trong văn kiện Đại hội Đảng XI, Đảng và Nhà nước đã khẳng định sự vai trò và đóng góp to lớn của khu vực kinh tế tư nhân trong việc xây dựng và phát triển kinh tế đất nước.

Cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, Thông báo số 91/TB-VPCP ngày 19 tháng 04 năm 2011 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc gặp mặt lãnh đạo Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam qua các thời kỳ đã nêu: “Thủ tướng Chính phủ khuyến khích thành lập các tập đoàn kinh tế tư nhân, xây dựng thương hiệu Việt Nam trong phạm vi, quyền hạn và luật pháp quy định; giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp cùng với các Bộ, cơ quan liên quan và Hội Doanh nhân trẻ nghiên cứu, đề xuất cơ chế tổ chức hoạt động, quản lý phù hợp đối với tập đoàn kinh tế tư nhân. Hội Doanh nhân trẻ nghiên cứu xây dựng Đề án thành lập tập đoàn bán lẻ và một số mô hình tập đoàn thí điểm khác trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định”.

Nghị quyết 10-NQ/TW năm 2017 đặt ra mục tiêu về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chỉ rõ mục tiêu phấn đấu của kinh tế tư nhân là đóng góp 55% năm 2025 và 60-65% năm 2030 vào tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của nền kinh tế. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh việc tập trung hoàn thiện thể chế, văn bản pháp luật, chính sách để khuyến khích, tạo điều kiện phát triển cho kinh tế tư nhân ở mọi lĩnh vực, ngành nghề. Tạo điều kiện thuận lợi để các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn mạnh, đa ngành, đa sở hữu có thể hình thành và tăng trưởng nhanh chóng, có đủ khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu.

Về mặt pháp lý, Điều 194 của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 quy định: “Tập đoàn kinh tế, tổng

công ty thuộc các thành phần kinh tế là nhóm công ty có mối quan hệ với nhau thông qua sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc liên kết khác. Tập đoàn kinh tế, tổng công ty không phải là một loại hình doanh nghiệp, không có tư cách pháp nhân, không phải đăng ký thành lập theo quy định của Luật này. Tập đoàn kinh tế, tổng công ty có công ty mẹ, công ty con và các công ty thành viên khác. Công ty mẹ, công ty con và mỗi công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty có quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp độc lập theo quy định của pháp luật”. Như vậy, theo Luật doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế là nhóm công ty có mối quan hệ với nhau thông qua sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc liên kết khác. Tập đoàn kinh tế có công ty mẹ, công ty con và các công ty thành viên. Luật không quy định tập đoàn kinh tế phải bắt buộc có ít nhất 5 công ty con và địa chỉ của các công ty cùng 1 địa điểm hay khác địa điểm. Các tập đoàn, tổng công ty được hình thành như là một tổ hợp kinh tế chuyên môn với quy mô lớn, thực hiện các hoạt động sản xuất, đầu tư, thương mại, kinh doanh trong nhiều lĩnh vực, ngành nghề thông qua các hoạt động góp vốn, đầu tư, mua bán, sáp nhập, tái cơ cấu, cấu trúc lại. Liên kết kinh doanh dưới hình thức tập đoàn, tổng công ty nhằm mục tiêu tập trung các nguồn lực cần thiết để gia tăng năng lực cạnh tranh, tối ưu vận hành và tối đa hóa lợi nhuận.

Luật cũng quy định điều kiện để thành lập tập đoàn kinh tế nhà nước. Tuy nhiên đến nay, chưa có văn bản pháp luật cụ thể quy định điều kiện thành lập tập đoàn kinh tế tư nhân. Việc hình thành, thành lập các đơn vị kinh doanh như các tập đoàn, tổng công ty tư nhân hoàn toàn tự nhiên dựa trên quyền công dân được tự do kinh doanh, tự do giao kết hợp đồng. Trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty tư nhân, mỗi công ty là một pháp nhân hoạt động một cách độc lập theo luật doanh nghiệp và hệ thống pháp lý về công ty, theo mô hình công ty mẹ - con. Các công ty mẹ trong các tổ hợp kinh tế tư nhân này thường sẽ không có phần sở hữu của Nhà nước hoặc mức độ góp vốn của Nhà nước không đủ chi phối theo quy định.

3. Thực trạng phát triển của các tập đoàn kinh tế tư nhân tại Việt Nam

Bảng 1 tổng hợp một số chỉ số hoạt động sản xuất kinh doanh của hơn 1.844 doanh nghiệp quy mô lớn và tập đoàn kinh tế tư nhân tại Việt Nam so với 6.708 doanh nghiệp nhỏ và vừa. Số liệu trong giai đoạn 2017-2019 cho thấy doanh thu bình quân của các tập đoàn kinh tế tư nhân gấp hơn 10 lần so với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời lợi nhuận hàng năm gấp bình quân hơn 20 lần tương ứng. Tiền lương bình quân của cán bộ công nhân viên của tập đoàn kinh tế tư nhân cũng được đảm bảo bình quân ở mức 8,72 triệu đồng/tháng so với chỉ khoảng 7,65 triệu đồng/tháng tại khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa. Điều này kết hợp với chất lượng hợp đồng lao động được đảm bảo tại các tập đoàn lý giải vì sao xu hướng chuyển dịch lao động

Bảng 1: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam giai đoạn 2017-2019

Loại hình doanh nghiệp	Đơn vị	Doanh nghiệp vừa và nhỏ		Doanh nghiệp lớn/tập đoàn	
		Trung bình	Độ lệch	Trung bình	Độ lệch
Doanh thu bình quân hằng năm	triệu đồng	116.153,57	284.048,66	1.137.963,99	2.525.779,03
Lợi nhuận bình quân hằng năm	triệu đồng	3.475,08	25.859,23	71.903,51	439.717,07
Tiền lương bình quân/tháng	triệu đồng	7,65	17,07	8,72	4,61
Lợi nhuận trên tài sản (ROA)	%	0,01	0,19	0,04	0,32
Lợi nhuận trên vốn chủ (ROE)	%	-0,10	6,69	-0,14	10,98
Số doanh nghiệp khảo sát	Doanh nghiệp	6.708		1.844	

Nguồn: Nhóm tác giả tính toán từ bộ dữ liệu điều tra doanh nghiệp.

vào khu vực này trong xuyên suốt giai đoạn 2011-2020. Hơn nữa, số liệu về độ lệch chuẩn cũng cho thấy mức độ đồng nhất hơn trong hoạt động trả lương của các tập đoàn kinh tế tư nhân. Tuy nhiên, sự khác biệt lớn giữa doanh thu và lợi nhuận hàng năm của các tập đoàn kinh tế tư nhân, kết hợp với lợi nhuận trên vốn chủ (ROE) bị âm bình quân hàm ý mức độ rủi ro hơn khi vận hành hoạt động các tập đoàn kinh tế lớn so với khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Bảng 2 cho thấy sự khác biệt các chỉ số kinh doanh của hai loại tập đoàn tư nhân nội địa và doanh nghiệp, tập đoàn nước ngoài và phân biệt giữa doanh nghiệp có hoạt động cải tiến với doanh nghiệp không cải tiến. Về tiêu chí trung bình, các tập đoàn nước ngoài có doanh thu hằng năm và chi trả lương cho người lao động cao hơn so với tập đoàn nội địa. Dẫu vậy, tổng lợi nhuận hằng năm, lợi nhuận trên tài sản (ROA) và lợi nhuận trên vốn chủ (ROE) lại thấp hơn, thậm chí là -0,28% tại ROE. Điều này có thể phản ánh tình trạng trốn thuế, tránh thuế của các tập đoàn nước ngoài. Thực tế, dữ liệu từ 2012-2020 cho thấy tỷ lệ doanh nghiệp

Bảng 2: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các tập đoàn kinh tế tư nhân tại Việt Nam giai đoạn 2017-2019

Đơn vị: Triệu đồng

	Đặc điểm/loại hình	Doanh thu	Lợi nhuận	Tiền lương	ROA	ROE	Số doanh nghiệp
Trung bình	Tập đoàn tư nhân nội địa	1.042.050,95	80.992,31	7,89	0,05	0,05	724
Độ lệch		2.832.438,11	653.213,07	4,30	0,18	2,61	
Trung bình	Tập đoàn nước ngoài	1.195.373,86	64.740,29	9,19	0,03	-0,28	1.101
Độ lệch		2.315.019,80	206.595,86	4,71	0,38	14,36	
Trung bình	Có thực hiện hoạt động cải tiến	1.203.314,72	78.148,45	8,83	0,04	-0,20	1.500
Độ lệch		2.680.983,81	481.504,85	4,72	0,33	12,16	
Trung bình	Không có hoạt động cải tiến	817.167,47	39.060,99	7,95	0,05	0,13	325
Độ lệch		1.659.036,24	153.293,82	3,90	0,24	0,39	

Nguồn: Nhóm tác giả tính toán từ bộ dữ liệu điều tra doanh nghiệp 2017-2019.

nước ngoài báo lỗ lại tương quan thuận với tỷ lệ doanh nghiệp trong khu vực này mở rộng các hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh. Thêm vào đó, nghiên cứu của Malesky (2020) khẳng định rằng trước những tác động vô cùng mạnh mẽ của đại dịch Covid-19, xu hướng đổi mới, cải tiến là không thể tránh khỏi, đồng thời các doanh nghiệp thực hiện hoạt động cải tiến trong một thời gian dài sẽ thích ứng tốt hơn và đạt hiệu quả lâu dài trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hơn nữa, sự mở rộng và phát triển ngày càng nhanh chóng của khu vực kinh tế ngoài nhà nước tại Việt Nam được thể hiện thông qua sự xuất hiện ngày càng nhiều các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn trong bảng xếp hạng 50 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam. Cụ thể, 18/50 doanh nghiệp trong danh sách này là doanh nghiệp

Bảng 3: Một số chỉ số phản ánh sự cải thiện của các tập đoàn kinh tế tư nhân, 2017-2021

Nội dung	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017
Số tập đoàn tư nhân trong top 50 cả nước	18/50	18/50	17/50	17/50	16/50
Vị trí cao nhất của tập đoàn tư nhân trong top 50 cả nước	5	6	6	6	11
Tổng xếp hạng 3 tập đoàn tư nhân lớn nhất	25	30	35	40	40

Nguồn: Tổng hợp từ Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (VNR).

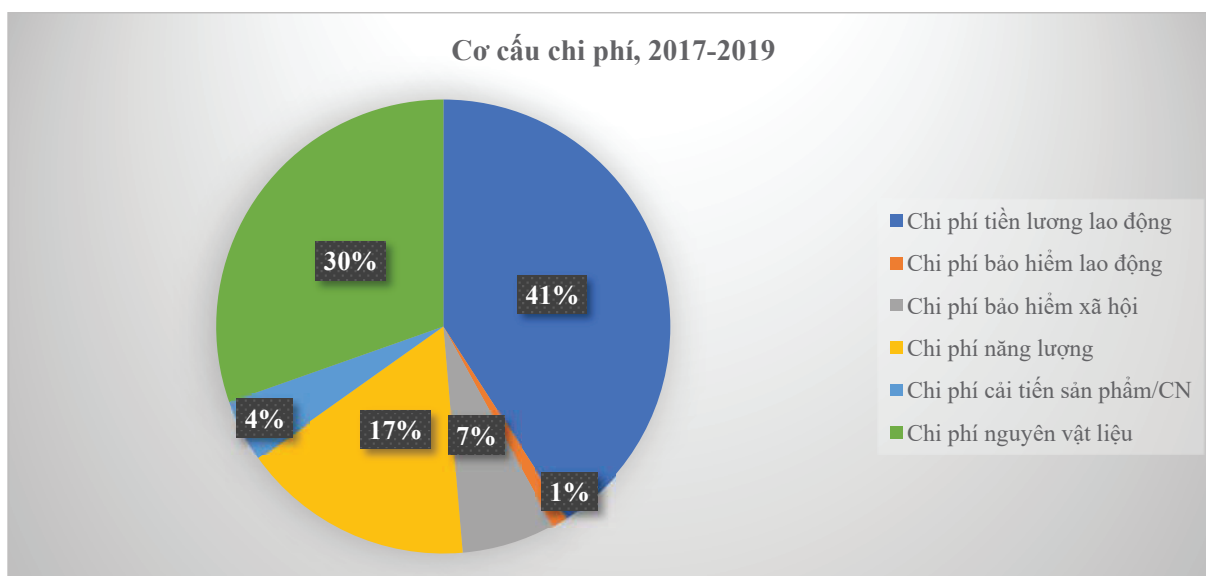
thuộc khu vực tư trong năm 2021 so với 16/50 doanh nghiệp năm 2017. Thứ bậc xếp hạng của tập đoàn kinh tế tư nhân cũng cải thiện đáng kể; theo đó, ba tập đoàn tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2021 bao gồm Vingroup, Thế giới di động và DOJI có tổng thứ bậc là 25 so với thứ bậc 40 của 3 tập đoàn lớn tư nhân lớn nhất là vào năm 2017 là Vingroup, Ô tô Trường Hải và Vinamilk. Vingroup cũng đã trở thành tập đoàn tư nhân lớn thứ 5 trong số các tập đoàn cả nước năm 2021, so với năm 2017 (Bảng 3).

Hoạt động thực hiện trách nhiệm xã hội luôn được các tập đoàn kinh tế tư nhân chú trọng. Nhiều tập đoàn tư nhân đã thành lập các quỹ riêng trong doanh nghiệp để thực hiện công tác cộng đồng - xã hội một cách thường xuyên, liên tục, hệ thống. Nếu như trước đây thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp thường chỉ tập trung xoay quanh vào hoạt động từ thiện, thiện nguyện, cứu trợ lũ lụt, đóng góp quỹ người nghèo; thì hiện nay, các doanh nghiệp đã thực hiện bài bản các hoạt động kích lệ khởi nghiệp, thúc đẩy phong trào

sáng kiến ý tưởng, đổi mới sáng tạo trong học sinh - sinh viên, hỗ trợ nhà nước trong nhiệm vụ chống dịch bệnh, bồi dưỡng nhân tài... Điển hình là việc các doanh nghiệp tư nhân lớn, các ngân hàng thương mại cổ phần đã đóng góp cho quỹ phòng chống Covid, quỹ vắc xin quốc gia hàng ngàn tỷ đồng trong hai năm 2020-2021; cũng như việc ra đời của quỹ Vinfuture - do Ông Phạm Nhật Vượng chủ tịch Vingroup và phu nhân là bà Phạm Thu Hương sáng lập - với số vốn khởi đầu là 2.000 tỷ đồng nhằm tôn vinh các sản phẩm, công trình nghiên cứu khoa học, các ứng dụng có tính đổi mới sáng tạo về mặt công nghệ ở trong và ngoài nước.

Việc đầu tư của các tập đoàn kinh tế tư nhân tại Việt Nam cho hoạt động đổi mới sáng tạo nhìn chung còn tương đối hạn chế. Hình 2 mô tả cơ cấu chi phí trung bình của hơn 1.800 doanh nghiệp lớn tại Việt Nam giai đoạn 2017-2019. Theo đó, chỉ khoảng 4% chi phí được sử dụng cho các hoạt động cải tiến sản phẩm và công nghệ. Cũng cần nhấn mạnh rằng, các loại cải tiến này tập trung chính vào nâng cấp quy trình, chuỗi sản xuất, cải tiến sản phẩm, nâng cấp công nghệ thay vì chỉ tập trung vào công nghệ cơ bản. Trong khi đó, năm 2020 ở Việt Nam, do đại dịch Covid-19, các tập đoàn phải đẩy chi phí sản xuất bình quân từ 20-40% so với trước đó nhằm kiểm soát dịch bệnh như chi phí cách ly tập trung, phun khử khuẩn, test nhanh, test PCR, cũng như thêm các thủ tục quy trình phòng dịch (Malesky, 2020). Trình độ kỹ thuật công nghệ và các sản phẩm đổi mới sáng tạo tại doanh nghiệp tư nhân còn hạn chế trong khi yêu cầu về công nghệ mới nhằm thích ứng với đại dịch và quốc tế hóa ngày càng cấp thiết. Ngoài ra, thêm một điểm đáng chú ý nữa là không

Hình 1: Cơ cấu chi phí một số tập đoàn kinh tế tư nhân Việt Nam, 2017-2019



Nguồn: Nhóm tác giả tính toán dựa trên bộ dữ liệu điều tra doanh nghiệp 2017-2019.

phải lĩnh vực nào cũng có thể dễ dàng đem ứng dụng công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhanh chóng, đặc biệt các loại hình sản xuất kinh doanh mang tính truyền thống lâu năm. Dẫu vậy, xu hướng chung cho các tập toàn tư nhân muốn tăng trưởng đều đặn và hướng tới phát triển bền vững là cải tiến liên tục, đổi mới sáng tạo không ngừng và kết nối hoạt động mạnh mẽ hơn với các giá trị chung (môi trường, hoạt động trách nhiệm xã hội).

Trước các rủi ro, biến động và cạnh tranh ngày càng gia tăng của thị trường, phần lớn các tập đoàn tư nhân nội địa tại Việt Nam có xuất phát điểm hoặc đầu tư lần đầu khá lớn vào các dự án phát triển căn hộ, nhà ở, bất động sản. Đây được xem như một loại hình đầu tư quan trọng và giúp các tập đoàn đảm bảo được tính ổn định của tài sản khi thị trường Việt Nam trong xuyên suốt giai đoạn dài vẫn liên tục tăng trưởng và mở rộng nhanh chóng. Sự mở rộng của các tập đoàn liên quan đến việc mở rộng các hoạt động về dịch vụ tài chính, ngân hàng và một số lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Cụ thể, Bảng 4 cho thấy một số các tập đoàn lớn có liên kết và mở rộng ngành nghề, lĩnh vực, loại hình sản xuất kinh doanh. Ví dụ như, tập đoàn Him Lam Group, Lien Viet Post Bank và Sacombank đều có người sở hữu đáng kể và ba tổ hợp này nằm trong lĩnh vực bất động sản và ngân hàng. Tương tự với một số tập đoàn khác, xu hướng mở rộng, đa dạng hóa các lĩnh vực nhằm giảm các thiệt hại từ rủi ro thị trường.

Bảng 4: Một số tập đoàn và ngành công nghiệp liên kết

Tập đoàn	Ngành công nghiệp	Thứ bậc trong top 500 DN, 2021
Him Lam Group	Bất động sản, tài chính	92
Lien Viet Post Bank	Ngân hàng	24
Sacombank (*)	Ngân hàng	12
Saigon Commercial Bank	Ngân hàng	9
Van Thinh Phat	Bất động sản	
TH Milk	Sản phẩm hàng ngày	
North Asia Bank	Ngân hàng	61
SHB (*)	Ngân hàng	15
T&T	Bất động sản, tài chính	59
DOJI Group	Trang sức	3
	Bất động sản	
Tien Phong Bank (*)	Ngân hàng	27
Seabank	Ngân hàng	49
BRG	Bất động sản	
An Binh Bank	Ngân hàng	83
Geleximco	Bất động sản, trao đổi, tài chính	80
Thanh Cong	Đường, bất động sản, tài chính, trao đổi	10
Hoang Anh Gia Lai (*)	Bất động sản, cao su, đường, năng lượng Hidro	
Bitexco	Bất động sản	
Tan Tao	Bất động sản	
Kinh Bac	Bất động sản	
Saigontel	Truyền thông	

Nguồn: Tác giả tổng hợp tại VNR.

Như vậy, sự phát triển của các tập đoàn kinh tế tư nhân Việt Nam có một số điểm nổi bật chính như sau:

Thứ nhất, mặc dù có số lượng hạn chế nhưng chiếm hơn 60% nguồn lực về vốn đầu tư và lao động của kinh tế tư nhân tại Việt Nam. Theo đó, trong giai đoạn từ 2011-2019 doanh nghiệp lớn chỉ chiếm 2-3% về số lượng nhưng chiếm hơn 62% nguồn vốn đầu tư và sử dụng 60% lực lượng lao động của khối doanh nghiệp tư nhân. Trong khi đó, khối doanh nghiệp tư nhân cùng với doanh nghiệp Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) chiếm đến hơn 70% nguồn vốn đầu tư và hơn 95% số lao động của toàn bộ nền kinh tế (Tổng cục thống kê, 2022).

Thứ hai, tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư của các tập đoàn tư nhân có xu hướng suy giảm mạnh từ kể từ 2018. Theo đó, khối lượng tăng trưởng vốn của các tập đoàn tư nhân chỉ khoảng 6,7% so với hơn 10% của các loại quy mô doanh nghiệp khác. Dẫu vậy, nếu xét cả giai đoạn 2011-2019 tăng trưởng vốn của các tập đoàn là đáng kể (Bảng 1).

Thứ ba, ngược lại với xu hướng tăng trưởng vốn thì các tập đoàn tư nhân lớn đang sử dụng nhiều lao động hơn. Theo đó, tăng trưởng số lượng lao động khu vực này là cao nhất với 3,7% tăng trưởng năm 2019. Điều

này được lý giải bởi các hợp đồng lao động được đảm bảo hơn và xu hướng thực hiện mạnh mẽ các cam kết với người lao động, với khách hàng và trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR) (Nguyen & cộng sự, 2018).

4. Giải pháp phát triển tập đoàn kinh tế tư nhân Việt Nam

Qua hơn ba thập kỷ, khu vực tư nhân, trong đó có các cánh chim đầu đàn là những tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, đóng góp đáng kể vào ngân sách quốc gia và lực lượng lao động tại địa phương. Các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn hiện nay không chỉ thể hiện được tiềm lực tài chính và sức mạnh dẫn dắt nền kinh tế mà còn đang được tiếp đà cho việc đi đầu trong đầu tư các lĩnh vực mũi nhọn, có hàm lượng công nghệ cao. Nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy sự phát triển và nâng cao chất lượng cạnh tranh và năng lực hội nhập quốc tế cho các tập đoàn kinh tế tư nhân như sau:

Về phía Nhà nước

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống, thiết chế luật pháp, chính sách, quy định, môi trường thể chế để tiếp tục tạo điều kiện, gia tăng những nền tảng thuận lợi cho các Tập đoàn kinh tế tư nhân phát triển. Các nội dung quy định cần cải cách theo hướng thân thiện với doanh nghiệp, công bằng, thực tiễn, dễ áp dụng. Các Tập đoàn kinh tế tư nhân cần được tham gia thường xuyên, chặt chẽ, có quyền đóng góp ý kiến vào quá trình xây dựng văn bản pháp luật.

Rà soát các luật, văn bản pháp quy để nâng cao chất lượng, giảm thiểu tình trạng chồng chéo, “luật chồng luật”, giảm thiểu sự mâu thuẫn, khó hiểu trong việc thực thi quy định.

Các bộ, ngành trung ương cần tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, đơn giản hóa các điều kiện, thủ tục; loại bỏ các điều khoản kiểm tra chuyên ngành không cần thiết; cắt giảm các tiêu chuẩn khi thực hiện đầu tư kinh doanh để tạo điều kiện cho doanh nghiệp. Ngoài ra, cần rút ngắn tối đa thời gian để nộp - trả, xử lý các thủ tục doanh nghiệp, đặc biệt trong các hoạt động cơ bản, thiết yếu của hoạt động sản xuất kinh doanh như: thành lập doanh nghiệp, đăng ký và đăng ký lại kinh doanh, cấp phép, cấp sổ đỏ, thông quan, xuất khẩu, nhập khẩu, giải thể, phá sản...; cũng như các hoạt động tư pháp như giải quyết tranh chấp, kiện tụng, tố tụng, xét xử, thi hành án.

Chính phủ cần có chủ trương không hình sự hóa các vụ án kinh tế, cần nhìn nhận các sự việc tranh chấp, thua lỗ, thất thoát theo hướng đánh giá nghiêm túc “năng lực quản lý kinh tế và quản trị doanh nghiệp” trước khi quy kết “dấu hiệu vi phạm pháp luật”. Cần hướng dẫn đầy đủ, quy chuẩn cho doanh nghiệp về các vấn đề luật pháp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, người dân được tự do kinh doanh những gì pháp luật không cấm.

Cần khuyến khích các tập đoàn kinh tế tư nhân đầu tư vào các lĩnh vực thiết yếu như giáo dục, y tế... khi mà khu vực tư có thể mạnh về sự linh hoạt và nhanh thích ứng, cập nhật xu hướng. Cần cải cách một số quy định căn bản có tính đột phá trong lĩnh vực an sinh xã hội này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các Tập đoàn kinh tế tư nhân dễ dàng thuê đất, tiếp cận vốn vay, tham gia đầu tư, tái cấu trúc, góp vốn vào các cơ sở trường học, trường đại học, cao đẳng, trường nghề, bệnh viện công hoạt động kém hiệu quả...

Khích lệ, tôn vinh, khen thưởng đối với các tập đoàn kinh tế tư nhân, các doanh nhân có đóng góp quan trọng cho nền kinh tế đất nước thông qua chính sách thi đua khen thưởng linh hoạt và ưu tiên cho khu vực kinh tế tư nhân. Hệ thống các danh hiệu, giải thưởng như Huân chương độc lập, Huân chương lao động cho tập thể/cá nhân, các danh hiệu Anh hùng lao động, chiến sĩ thi đua toàn quốc/tỉnh thành, công dân ưu tú, các cúp, bằng khen bộ ngành... cần có một tỷ lệ nhất định dành cho khối tư nhân. Xem xét việc có danh hiệu “doanh nhân ưu tú”, “doanh nhân nhân dân” cho các doanh nhân có đóng góp cống hiến với đất nước, xã hội.

Cần có sự nhìn nhận và đánh giá, ứng xử công bằng giữa lãnh đạo các Tập đoàn kinh tế nhà nước và lãnh đạo Tập đoàn kinh tế tư nhân trên các diễn đàn chung, trong công tác tư vấn, tham mưu các quyết sách cho Chính phủ. Cần gia tăng tỷ lệ các doanh nhân đến từ các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn được tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội.

Về phía các tập đoàn kinh tế tư nhân

Lãnh đạo, chủ doanh nghiệp của các tập đoàn kinh tế tư nhân cần ý thức rõ vai trò và sứ mệnh của một “doanh nhân dân tộc” trong công cuộc chấn hưng đất nước và tăng trưởng kinh tế quốc gia, đề cao và vun đắp tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, có ý chí vươn lên để góp phần xây dựng một quốc gia hùng cường, hưng thịnh; Đề cao lợi ích dân tộc, lợi ích quốc gia, đóng góp tích cực vào công cuộc kiến tạo và phát triển đất nước; Bảo tồn và lan tỏa văn hóa Việt trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo thành các

“doanh nghiệp dân tộc”, “tập đoàn dân tộc” trong quá trình hội nhập quốc tế; Am hiểu và chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, thượng tôn pháp luật, tuân thủ luật pháp trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hoạt động trong các tập đoàn kinh tế tư nhân cần thực hiện sản xuất kinh doanh liêm chính, đề cao đạo đức kinh doanh và nhân cách doanh nhân. Xây dựng sứ mệnh, giá trị cốt lõi và văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, bền vững, đề ra và thực hiện các quy tắc ứng xử chuẩn mực với các bên hữu quan như người lao động, khách hàng, đối tác, nhà cung cấp.... Tạo ra các giá trị và lợi ích hài hòa, minh bạch, đảm bảo cho các cổ đông, khách hàng, đối tác, nhà cung cấp và các bên hữu quan. Bảo vệ chính đáng quyền lợi của người lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống của cán bộ nhân viên trong doanh nghiệp. Với quy mô tổ chức và lao động ngày càng lớn, các tập đoàn kinh tế tư nhân cần thiết lập một hệ thống cơ cấu quản trị khoa học, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, lịch sử hình thành phát triển và văn hóa của doanh nghiệp, thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số trong doanh nghiệp, tạo ra một “doanh nghiệp số”, “tập đoàn số”, “lãnh đạo số”, “quản lý số”, “nhân viên số”. Thúc đẩy hoạt động nghiên cứu & phát triển (R&D), đào tạo và phát triển (T&D) và học tập và phát triển (L&D) mạnh mẽ trong doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo

- Đỗ Thanh Hương (2021), *Tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng của kinh tế tư nhân theo tinh thần Đại hội lần thứ XIII của Đảng*, truy cập ngày 23 tháng 03 năm 2022 từ <<https://hcma2.hcma.vn/tintuc/Pages/dua-nghi-quyet-dh-13-vao-cuoc-song.aspx?ItemID=11679&CateID=0>>.
- Hiếu Công (2020), *Sự lớn mạnh của kinh tế tư nhân và câu chuyện phát triển Đảng, Xây dựng Đảng*, truy cập ngày 23 tháng 03 năm 2022 từ <http://www.xaydungdang.org.vn/Home/giai_bua_liem_vang/2020/13597/Su-lon-manh-cua-kinh-te-tu-nhan-va-cau-chuyen-phat.aspx>.
- Malesky, E.J. (2020), *The Provincial Competitiveness Index*, USAID.
- Nguyen, M., Bensemann, J. & Kelly, S. (2018), ‘Corporate social responsibility (CSR) in Vietnam: a conceptual framework’, *International Journal of Corporate Social Responsibility*, 3(1), 1-12.
- Tổng cục thống kê (2022), *Niên giám thống kê cấp tỉnh, 2013-2019*, nhà xuất bản Thống kê.